

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2020

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thị Gấm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Võ Thị Thoại M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

***2. Bị đơn:*** Anh Tăng Công H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Võ Thị Thoại M trình bày như sau:***

Chị Võ Thị Thoại M và anh Tăng Công H cưới nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau lo cho con nhưng không thể tiếp tục chung sống. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 01 người con chung là Tăng

Quang V, sinh ngày 17/10/2011 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Tăng Công H vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của chị M.

**Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm có:** Đơn khởi kiện ngày 08/9/2019 (Bản gốc); giấy khai khai sinh số 303/2014 ngày 18/8/2014 do Ủy ban nhân dân Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang cấp (Bản sao); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản photo); đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 08/9/2019 (Bản gốc); bản tự khai ngày 08/9/2019 (Bản gốc); Đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 08/9/2019 (Bản gốc); biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14/02/2020 (bản gốc); biên bản xác minh ngày 03/02/2020 (Bản gốc); giấy chứng sinh ngày 17/10/2011 (Bản photo có xác nhận); quyết định về việc công nhận việc nhận con số 148/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND xã Đông Thái Bản photo có xác nhận) và tờ khai đăng ký khai sinh ngày 18/8/2014 Bản photo có xác nhận).

**Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết:** Từ năm 2017 vợ chồng chị M và anh H phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

***Tại phiên tòa:***

Chị M tiếp tục xin ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; anh H vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn vắng mặt không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thoại M; về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh H; về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị M nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện việc chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Không có nên miễn xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị M khởi kiện xin ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Tăng Công H theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Võ Thị Thoại M yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Tăng Công H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp.

Từ những căn cứ trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận chị Võ Thị Thoại M và anh Tăng Công H là vợ chồng.

Về con chung: Chị M xác định có 01 người con chung tên Tăng Quang V, sinh ngày 17/10/2011 hiện đang sống cùng với chị.

Xét thấy, theo giấy khai sinh số 303/2014 ngày 18/8/2014 do Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang cấp tên Tăng Quang V, sinh ngày 17/10/2011 chỉ thể hiện tên cha là Tăng Công H, không có thể hiện tên mẹ. Tuy nhiên, theo kết quả thu thập chứng cứ và xác minh có đủ cơ sở xác định cháu Tăng Quang V, sinh ngày 17/10/2011 là con chung của chị Võ Thị Thoại M và anh Tăng Công H. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh H không có tới lui thăm con, không hỗ trợ về vật chất để chị M nuôi con chung. Chị M có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu được cho đi học và đang phát triển bình thường. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu V cho chị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu giải quyết, anh H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị M là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, Điều 53 và Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Thoại M và anh Tăng Công H.

2. Về con chung: Giao cháu Tăng Quang V, sinh ngày 17/10/2011 cho chị Võ Thị Thoại M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu V.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị Thoại M về việc không yêu cầu anh Tăng Công H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Thoại M xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Thoại M có nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008298 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, vậy chị M đã nộp đủ tiền án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt nguyên đơn chị Võ Thị Thoại M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm (Ngày 10/8/2020). Bị đơn anh Tăng Công H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu (Dương).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thị Gấm**